

Số: 542 /BC-LIP

Lai Khê, ngày 06 tháng 5 năm 2026

## BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-LIP ngày 30/03/2026 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu;

Thực hiện công văn số 1048/STC-ĐKKD&QLDN ngày 06/02/2026 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính Công ty năm 2025 như sau:

### I. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.604.603.093*
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.604.603.093
4	Giá vốn hàng bán	29.222.443.008
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.382.160.085
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20.377.796.573
7	Chi phí tài chính	
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.281.800.223
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.478.156.435
11	Thu nhập khác	22.022.261.656
10	Chi phí khác	1.880.321.252
13	Lợi nhuận khác	20.141.940.404
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.620.096.839
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.488.280.263
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.131.816.576




## II. Tình hình tài sản, nguồn vốn:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>717.284.571.824</b>	<b>989.521.853.740</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	43.550.528.608	52.038.957.143
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	480.000.000.000	705.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	158.140.096.922	169.091.137.388
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	752.268.854	678.090.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.705.253.182	14.826.233.551
6. Phải thu ngắn hạn khác	147.444.748.932	158.348.987.083
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(4.971.942.286)	(4.971.942.286)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	209.768.240	209.768.240
IV. Hàng tồn kho		
V. Tài sản ngắn hạn khác	35.593.946.294	63.391.759.209
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>358.730.561.353</b>	<b>384.083.184.429</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	358.653.865.563	379.730.955.712
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.038.418.518
V. Đầu tư tài chính dài hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	76.695.790	313.810.199
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.076.015.133.177</b>	<b>1.373.605.038.169</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>892.455.466.204</b>	<b>868.786.142.042</b>
I. Nợ ngắn hạn	92.680.667.511	94.762.090.111
II. Nợ dài hạn	799.774.798.693	774.024.051.931
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>183.559.666.973</b>	<b>504.818.896.127*</b>
I. Vốn chủ sở hữu	183.559.666.973	504.818.896.127
1. Vốn góp của chủ sở hữu	168.000.000.000	47.832.177.865
4. Vốn khác của chủ sở hữu		545.288.072.446
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(89.863.048.079)
8. Quỹ đầu tư phát triển	15.559.666.973	1.561.693.895
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.076.015.133.177</b>	<b>1.373.605.038.169</b>

Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính theo quy định./.

(Đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán). 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, KSV;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT (Trang).



Vũ Công